

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỪ SƠN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2020/HSST  
Ngày 15 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đăng Thúy; ông Vũ Thái Hưng;

***Những người T hành tố tụng khác:***

*Thư ký phiên tòa :* Bà Đàm Thu Hương, Thư ký Tòa án thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133A/2019/HSST-QĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971; tên gọi khác: Không

Nơi đăng ký HKTT: thôn NL, xã PK, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1943 (đã chết); Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có vợ là Lê Thị M, sinh năm 1977; Bị cáo có 03 con, lớn sinh nhất năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày bị tạm giữ từ ngày 18/02/2020 đến ngày 21/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993. ; tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: thôn NL, xã PK, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc tỉnh Bắc Ninh;

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1960 và bà Mạc Thị H1, sinh năm: 1963; Gia đình có 04 anh chị em,

bị cáo là con thứ tư. Có vợ là Trần Thị Thùy D, sinh năm 1997. Có 2 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án: Tại bản án số 120 ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “ĐA BẠC”.

Nhân thân: Ngày 24/10/2017, Công an thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt hành chính số 96 bằng hình thức phạt tiền về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác. Bị can đã chấp hành xong.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1977 ; tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: thôn NL, xã PK, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Bẩy, sinh năm: 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nhật, sinh năm: 1943 (đã chết); Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ út trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Quyên; sinh năm: 1984; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 46 ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 19 tháng 12 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “ĐA BẠC”. Bị can đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2020 đến ngày 24/02/2020 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1992 ; tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: thôn NL, xã PK, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Nguyễn Thị , sinh năm 1996. Có 02 con; lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2020 đến ngày 21/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại ( có mặt tại phiên tòa).

5. **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1981 ; tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: thôn N1, xã TS, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Bg, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1954; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út. Có vợ là Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1982. Có 03 con; lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2020 đến ngày 21/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hồi 14 giờ ngày 18/02/2020 tại nhà Nguyễn Văn T sinh năm 1971 trú tại thôn NL, xã PK, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, tổ tuần tra Công an thị xã Từ Sơn đã bắt quả tang 05 đối tượng đánh bạc bằng hình thức đánh chắn ăn tiền gồm: Nguyễn Văn H sinh năm 1993, Nguyễn Văn A sinh năm 1977, Nguyễn Văn P sinh năm 1992, cùng trú tại: thôn NL, xã PK, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Văn L1, sinh năm 1981, trú tại: thôn N1, xã TS, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn T là người chia bài cho 04 đối tượng trên đả bạc.

Vật chứng thu giữ: 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân, 01 chiếc chắn, 01 đĩa nhựa, 01 hộp sắt, tiền trên chiếu bạc 12.850.000 đồng, tiền thu trên người của H 36.350.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/02/2020, Nguyễn Văn T đang ở nhà thì Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P là người cùng thôn với T và Nguyễn Văn L1 là bạn của T đến nhà chơi. Sau đó, H, A, P và L1 rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức “đánh chắn” tại nhà T, T đồng ý. T chuẩn bị bộ bài chắn, chắn, đĩa nhựa và là người chia bài để mọi người chơi bạc. Khi tham gia đả bạc Nguyễn Văn H có khoảng 5.000.000 đồng (đã bỏ ra 3.000.000 đồng còn 2.000.000 đồng nếu thua sẽ bỏ ra chơi tiếp), Nguyễn Văn A có 4.800.000 đồng, Nguyễn Văn P có 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn L1 có 2.000.000 đồng. T là 50.000 đồng số tiền T thu được từ 1 ván ù “Bạch định” của P.

Khi chơi H, A, P và L1 quy định tỷ lệ thắng thua như sau: ù Xuông: 100.000 đồng; Dịch: 50.000 đồng. Số tiền mỗi người thua phải trả cho người thắng sẽ bằng tổng điểm cước “ù” x 50.000 đồng. Nếu người chơi nào ù có 1 trong các cước Trì Bạch Thủ, Bạch Định, Tám Đỏ thì sẽ phải trả cho T số tiền 50.000 đồng gọi là công phục vụ. Các bị cáo đả bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút thì bị lực lượng công an vào bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Cáo trạng số 93/CTr – VKS ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Viện Kiểm sát thị xã Từ Sơn đã truy tố Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L1 về tội "ĐA bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận các tình tiết của vụ án như đã nêu trên và đều thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, các bị cáo đều khai: Khi đến nhà bị cáo T thì các bị cáo H, A, P và L1 rủ nhau đa bạc bằng hình thức đa chắn tại nhà T. Bị cáo T đồng ý cho các bị cáo chơi tại nhà và là người chuẩn bị bộ bài chắn, chắn, đĩa nhựa và là người chia bài để mọi người đa bạc. Các bị cáo không phải nộp bất kỳ khoản tiền nào nhưng nếu có ai ù 1 trong các cước Trì Bạch Thủ, Bạch Định, Tám Đỏ thì sẽ phải trả cho T số tiền 50.000 đồng gọi là công phục vụ. Các bị cáo đều khai không nhớ rõ đã đa bao nhiêu ván, được thua thế nào nhưng đều thừa nhận số tiền bị công an thu giữ trên chiếu bạc là tiền đã và sẽ dùng vào việc đa bạc. Đối với số tiền thu trên người bị cáo H 36.350.000 đồng, bị cáo H khẳng định nếu thua bị cáo sẽ bỏ 2.000.000 đồng ra đa bạc tiếp, còn số tiền 34.350.000 đồng là tiền của bị cáo mang đi để mua gỗ không sử dụng vào việc đa bạc. Các bị cáo còn lại đều thừa nhận số tiền dùng vào việc đa bạc đúng như trong bản cáo trạng của Viện kiểm sát thị xã Từ Sơn đã truy tố các bị cáo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Văn L1 đã tự nguyện nộp số tiền 30.200.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện nộp 10.200.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn A tự nguyện nộp 10.200.000 đồng tiền phạt tại Chi cục Thi hành án thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phân tích lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L1 phạm tội "ĐA bạc".

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt: Nguyễn Văn T từ 10 đến 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo từ 20 triệu đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS; Điều 38 của BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn H từ 10 đến 13 tháng tù. Chuyển 11 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 120/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thành án giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 21 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/02/2020 ( được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/01/2018 đến ngày 03/02/2018 của bản án số 120/2018/HSST ngày 30/5/2018).

Phạt bổ sung bị cáo từ 20 triệu đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt: Nguyễn Văn A từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo từ 20 triệu đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS, Xử phạt : Nguyễn Văn P từ 8 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo từ 20 triệu đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn P cho UBND xã PK giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự,

Nguyễn Văn L1 từ 25 đến 30 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân, 01 chiếc chắn, 01 đĩa nhựa, 01 hộp sắt

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.850.000 đồng.

Tạm giữ số tiền 30.200.000đ của bị cáo Nguyễn Văn L1, số tiền 10.200.000đ của Nguyễn Văn T và số tiền 10.200.000đ của Nguyễn Văn A tự nguyện nộp phạt tại Chi cục thi hành án thị xã Từ Sơn để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 34.350.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Khi nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo,

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ, ngày 18/02/2020 tại nhà Nguyễn Văn T ở thôn NL, xã PK, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. T đã sử dụng nhà của mình, chuẩn bị công cụ và chia bài cho Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L1 tham gia đá bạc ăn tiền bằng hình thức đá chắn. Hành vi của bị cáo T không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đá bạc hoặc Gá bạc nên bị cáo bị truy tố với vai trò đồng phạm tội Đá bạc. Tổng số tiền các bị cáo đã và sẽ sử dụng vào việc đá chắn được thua bằng tiền là 14.850.000 đồng, do vậy hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Đá bạc. Các bị cáo phạm tội không vi phạm các tình tiết định khung hình phạt nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 của điều luật Viện kiểm sát truy tố. Do vậy, Viện kiểm sát thị xã Từ Sơn truy tố Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L1 về tội Đá bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ nó đã xâm phạm đến trật tự an toàn và nếp sống văn minh trong xã hội. Đây còn là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải có một mức hình phạt để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và đảm bảo được việc răn đe, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong xã hội.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn T tuy không trực tiếp tham gia đá bạc nhưng bị cáo là người đã có hành vi chứa chấp, chuẩn bị công cụ, phương tiện và chia bài phục vụ các bị cáo đá bạc tại nhà mình, do vậy bị cáo đồng phạm với các bị cáo trong tội Đá bạc. Hành vi của bị cáo được coi là tiền đề cho hành vi phạm tội của các bị cáo khác. Nếu không có việc chứa chấp, tạo điều kiện để các bị cáo khác thực hiện hành vi đá bạc tại nhà T thì sẽ không có tội phạm xảy ra. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi bị bắt thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo nhận thức được được hành vi vi phạm pháp luật của mình và rất ăn năn nên đã tự nguyện nộp tiền phạt tại Chi cục thi hành án thị xã Từ Sơn nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục.

Các bị cáo H, A, P và L1 khi đến nhà T cùng rủ nhau chơi bạc chứ không có ai là người khởi xướng, do vậy vai trò của các bị cáo là như nhau, khi quyết định hình phạt sẽ căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi của từng bị cáo cho các bị cáo được hưởng mức án phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân xấu, có 01 tiền án tại bản án số 120/2018/HSST ngày 30/5/2018 của TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng về tội “ĐA bạc”, bị cáo chưa chấp hành xong bản án lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên chuyển 11 tháng tù cho hưởng án treo của bản án trên thành tù giam. Tuy nhiên xét thấy, khi bị bắt bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố là bệnh binh nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Nguyễn Văn A có nhân thân xấu năm 2013 bị TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 19 tháng 22 ngày về tội “ĐA bạc”, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Đến nay đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân lại tham gia chơi bạc với số tiền 4.800.000 đồng. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Song, xét thấy tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nhận thức được được hành vi vi phạm pháp luật của mình và rất ăn năn nên đã tự nguyện nộp tiền phạt tại Chi cục thi hành án thị xã Từ Sơn; tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục.

Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi bị bắt tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng nào. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi bị bắt tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và rất ăn năn nên đã tự nguyện nộp tiền phạt tại Chi cục thi hành án thị xã Từ Sơn . Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS, do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo đều phạm tội với động cơ trục lợi, Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Riêng bị cáo L1 đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình T hành tố tụng, Cơ quan điều tra đã thu 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân, 01 chiếc chắn, 01 đĩa nhựa, 01 hộp sắt. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 49.200.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, gồm tiền thu tại chiếu bạc là 12.850.000đ và tiền thu trên người bị cáo H là 36.350.000 đồng. Trong đó có 14.850.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đA bạc trái phép, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Còn số tiền 34.350.000 đồng thu của bị cáo H, xác định bị cáo H không sử dụng số tiền này vào mục đích đA bạc nên trả lại cho bị cáo H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền bị cáo L1, T, A tự nguyện nộp phạt tại Chi cục thi hành án, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

*Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L1 phạm tội “ĐA bạc”;

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 12 ( Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS; Điều 38 của BLHS.



Xử phạt: Nguyễn Văn H 11 ( Mười một) tháng tù. Chuyển 11 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 120/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thành 11 tháng tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/02/2020 (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/01/2018 đến ngày 03/02/2018 của bản án số 120/2018/HSST ngày 30/5/2018).

Phạt bổ sung bị cáo từ 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn A 10 ( Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS,

Xử phạt : Nguyễn Văn P 08 ( Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn P cho UBND xã PK giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Văn L1 30 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân, 01 chiếc chắn, 01 đĩa nhựa, 01 hộp sắt

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.850.000 đồng.

Tạm giữ số tiền 30.200.000đ của bị cáo Nguyễn Văn L1, số tiền 10.200.000đ của Nguyễn Văn T và số tiền 10.200.000đ của Nguyễn Văn A tự nguyện nộp phạt tại Chi cục thi hành án thị xã Từ Sơn để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 34.350.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận**

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND thị, tỉnh;
- Công an thị xã Từ Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Từ Sơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Thu Hà**